

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST

Ngày: 28-3-2019

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.
2. Bà Trần Thị Hạnh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2017/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân C.

Địa chỉ: 317 H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chính H, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Minh T, chức vụ: Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân C (Theo Giấy ủy quyền số 03/2018/GUQ-HĐQT ngày 01-6-2018).

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn V, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Trần Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 0, thôn 00, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Bùi Văn T, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị L sinh năm 1950.

Địa chỉ: Tổ 0, thôn 00, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân C do ông Nguyễn Hoàng Minh T là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Vào ngày 15-3-2012 ông Bùi Văn V và vợ là bà Nguyễn Trần Thanh T có ký Hợp đồng tín dụng số 900/2012/HĐTD với Quỹ tín dụng C (sau đây viết tắt là Quỹ tín dụng) để vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Kỳ hạn vay 07 tháng, lãi suất 2,2%/01 tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn để trồng trọt và buôn bán nông sản. Để đảm bảo cho việc vay nợ trên thì vợ chồng ông V có ký hợp đồng thế chấp số 900/2012/HĐTC ngày 13-3-2012 để thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 8.518m² và tài sản gắn liền trên đất; Thửa đất số 837, 861; Tờ bản đồ số 20, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Đất đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C cấp Giấy chứng nhận số BD 074048 ngày 21-10-2010 do ông Bùi Văn T đứng tên. Trong quá trình vay vốn ông V, bà T chỉ thanh toán được cho Quỹ tín dụng số tiền lãi là 36.106.000đ (Ba mươi sáu triệu một trăm linh sáu ngàn đồng) và từ ngày 15-10-2012 ông V, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ số nợ của ông V, bà T đã chuyển qua nợ quá hạn. Tổng số tiền ông V, bà T còn thiếu từ Hợp đồng tín dụng đã ký là 712.018.475đ (Bảy trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi là 512.018.475đ (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Nay, Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông V, bà T phải thanh toán số nợ trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Nếu ông V, bà T không thực hiện việc thanh toán thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản là quyền sử dụng diện tích đất đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản phát mại không đủ trả nợ thì ông V, bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho Quỹ tín dụng cho đến khi trả xong nợ.

Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bị đơn ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Trần Thanh T, trình bày: Vào ngày 15-3-2012, ông bà có ký Hợp đồng tín dụng số 900/2012/HĐTD với Quỹ tín dụng để vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Kỳ hạn vay là 07 tháng, lãi suất là 2,2%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay vốn để trồng trọt và buôn bán nông sản. Thời gian đầu ông bà có trả tiền lãi được cho Quỹ tín dụng với số tiền là 36.106.000đ (Ba mươi

sáu triệu một trăm linh sáu ngàn đồng) nhưng sau đó do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng trả số nợ còn lại cho Quỹ tín dụng. Để đảm bảo việc vay nợ trên ông bà có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 900/2012/HĐTC ngày 13-3-2012 để thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 8.518m² và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 837, 861; Tờ bản đồ số 20, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Đất đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 074048 ngày 21-10-2010 do ông Bùi Văn T đứng tên (Ông T là cha ruột của ông V). Nay, Quỹ tín dụng yêu cầu ông V, bà T phải thanh toán số tiền 712.018.475đ (Bảy trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi là 512.018.475đ (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) thì ông bà đồng ý trả số tiền gốc nhưng xin miễn số tiền lãi vì hoàn cảnh kinh tế hiện tại quá khó khăn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị L, trình bày: Ông V là con ruột của ông T, bà L. Do vợ chồng ông V, bà T có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên vào ngày 07-10-2010 ông bà có làm Hợp đồng ủy quyền cho ông V được quyền thế chấp vay vốn đối với quyền sử dụng diện tích đất 8.518m², thửa đất số 837, 861; Tờ bản đồ số 20, xã B; Đất đã được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 811346 ngày 01-10-1997 cho ông Bùi Văn T; Hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 07-10-2010. Nay, Quỹ tín dụng khởi kiện ông V, bà T để yêu cầu trả số tiền vay còn thiếu và nếu ông V, bà T không có khả năng trả nợ thì phải phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất trên thì ông bà không có ý kiến. Ông bà chỉ có nguyện vọng xin Tòa án gia hạn thêm thời gian để ông V, bà T xoay xở trả nợ cho Quỹ tín dụng để giữ lại diện tích đất trên.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, ông V đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bà T, ông T, bà L không thực hiện đúng phần quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông V, bà T phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng số tiền 712.018.475đ (Bảy trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi là 512.018.475đ (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh tiếp theo theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên. Nếu ông V, bà T không có khả năng trả nợ thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp

là quyền sử dụng diện tích đất 8.518m², thửa đất số 837, 861; Tờ bản đồ số 20, xã B. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông V, bà T phải có trách nhiệm trả nợ tiếp cho Quỹ tín dụng cho đến khi trả xong.

Về án phí: Ông V, bà T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Quỹ tín dụng đồng ý nộp nên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn V và bà Nguyễn Trần Thanh T phải trả số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”; Nơi cư trú của ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Trần Thanh T là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền yêu cầu thanh toán: Trong quá trình giải quyết vụ án thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất hai bên có ký Hợp đồng tín dụng số 900/2012/HĐTD ngày 15-3-2012 và Khế ước nhận nợ số 900/KUNN ngày 15-3-2012. Theo nội dung Hợp đồng tín dụng thì vợ chồng ông V, bà T có vay của Quỹ tín dụng số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) theo hình thức trả tiền gốc, lãi hàng tháng. Kỳ hạn vay 07 tháng; Lãi suất trong hạn là 2,2%/01 tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay vốn để trồng trọt và buôn bán nông sản. Xét thấy, các thỏa thuận của đương sự trong Hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên thỏa thuận này có giá trị pháp lý.

Đại diện Quỹ tín dụng và ông V, bà T thống nhất từ khi vợ chồng ông V, bà T được giải ngân số tiền vay 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 900/KUNN ngày 15-3-2012 thì ông V, bà T mới thanh toán được số tiền lãi là 36.106.000đ (Ba mươi sáu triệu một trăm linh sáu ngàn đồng). Đến ngày 15-10-2012

là ngày kết thúc thời hạn vay nhưng ông V, bà T vẫn không thanh toán được nên kể từ ngày này toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn và số tiền còn thiếu tính đến ngày 28-3-2019 là 712.018.475đ (Bảy trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi là 512.018.475đ (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Mặc dù phía nguyên đơn đã tạo điều kiện để bị đơn có điều kiện để trả nợ nhưng kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán (ngày 15-10-2012) cho đến nay ông V, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hiện đại diện của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu xin miễn toàn bộ tiền lãi của bị đơn. Căn cứ vào Điều 4 của Hợp đồng tín dụng, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì ông V, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Quỹ tín dụng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc cho vay của các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 28-3-2019. Từ ngày 29-3-2019, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 900/2012/HĐTD ngày 15-3-2012 đến khi thi hành án xong.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Quỹ tín dụng và nguyện vọng của ông T, bà L về việc xin gia hạn thời gian cho ông V, bà T trả nợ để không bị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 8.518m², thửa đất số 837, 861; Tờ bản đồ số 20, xã B thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T, bà L thấy: Sau khi ông T, bà L ký Hợp đồng ủy quyền cho ông V được quyền thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất trên để đảm bảo cho khoản tiền vay thì ngày 13-3-2012 ông V, bà T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 900/2012/HĐTC đã được công chứng ngày 14-3-2012 để thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên để bảo đảm khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Xét thấy việc ủy quyền thế chấp tài sản là quyền tự định đoạt của đương sự và việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C), theo Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 13-3-2012 là phù hợp với quy định tại các điều 197, 323, 343, 348, 350, 355 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký thì nguyên đơn cũng đã tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng đã quá thời hạn cam kết bị đơn vẫn không thanh toán. Do đó, yêu cầu của ông T, bà L về việc xin gia hạn thời gian cho bị đơn trả nợ để không xử lý tài sản

thế chấp không có cơ sở để xem xét nên trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất đã thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[2.3] Trường hợp bị đơn thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì nguyên đơn có trách nhiệm yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng), Quỹ tín dụng đã nộp và đã chi phí hết cho việc xem xét, thẩm định nay Quỹ tín dụng đồng ý nộp số tiền này nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Về án phí: Ông V, bà T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Quỹ tín dụng được Tòa án chấp nhận là 20.000.000đ + (4% x 312.018.475đ) = 32.480.700 đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn bảy trăm đồng).

Quỹ tín dụng không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 197, 323, 343, 348, 350, 355, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân C đối với bị đơn ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Trần Thanh T về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Ông Bùi Văn V và bà Nguyễn Trần Thanh T phải có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C tổng số tiền tính đến ngày 28-3-2019 là 712.018.475đ (Bảy trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi là 512.018.475đ (Năm trăm mười hai triệu không trăm mười tám ngàn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 29-3-2019 cho đến khi thi hành án xong, ông V, bà T còn phải tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông V, bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất có diện tích 8.518m², thửa đất số 837, 861; Tờ bản đồ số 20, xã B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 811346 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01-10-1997 cho ông Bùi Văn T. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 900/2012/HĐTC đã được công chứng ngày 14-3-2012 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 14-3-2012 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C (Nay là Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C).

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ thì ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Trần Thanh T tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp bị đơn thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn mà không phải qua xử lý tài sản thế chấp thì nguyên đơn có trách nhiệm yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) thì Quỹ tín dụng đồng ý nộp và đã chi phí hết cho việc xem xét, thẩm định.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn V, bà Nguyễn Trần Thanh T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 32.480.700đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm tám mươi ngàn bảy trăm đồng).

Quỹ tín dụng nhân dân C không phải nộp án phí. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân C số tiền 12.112.000đ (Mười hai triệu một trăm mười hai ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0009927 ngày 05 tháng 12 năm 2017.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga